

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 121

### LUẬN VỀ HẠI SINH (Phần 4)

Nếu nghiệp chưa lìa nhiễm, thì dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa của mình. Nghĩa là phải Độc Tử Bộ nghiệp thuộc năm Bộ, dị thực đã có được cũng gồm chung năm bộ. Muốn ngăn chặn ý đó để hiển bày về nghiệp tuy bao gồm năm Bộ mà dị thực ấy chỉ do tu mà đoạn, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu nghiệp chưa lìa nhiễm, thì dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm chăng?

Đáp: Các nghiệp chưa lìa nhiễm, thì dị thực của nghiệp ấy nhất định chưa lìa nhiễm. Hoặc có lúc dị thực nghiệp chưa lìa nhiễm, mà nghiệp ấy đã lìa nhiễm, đó là người Dự lưu đã lìa nhiễm của nghiệp do kiến mà đoạn, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm.

Nên biết trong này, hoặc có lúc nghiệp lìa nhiễm đầu tiên, sau đó dị thực mới lìa nhiễm; hoặc có lúc nghiệp và dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm. Chắc chắn không có dị thực được lìa nhiễm đầu tiên, về sau nghiệp ấy mới được lìa nhiễm. Nghĩa là lúc bốn pháp nhân, làm cho các nghiệp bất thiện do bốn Bộ thâm nhiếp được lìa nhiễm đầu tiên, không phải là dị thực của nghiệp. Vả lại, lúc lìa nhiễm của cõi Dục thì tám đạo vô gián trước, làm cho các nghiệp bất thiện do tu mà đoạn thuộc tám phẩm trước được lìa nhiễm đầu tiên, không phải là dị thực của nghiệp. Các dị thực ấy phải đến đạo vô gián thứ chín thì mới được lìa nhiễm, đó gọi là nghiệp lìa nhiễm đầu tiên, sau đó dị thực ấy mới được lìa nhiễm. Nếu lúc lìa nhiễm của cõi Dục, thì đạo vô gián thứ chín làm cho các



bất bất thiện, nghiệp thiện của cõi Dục, và các dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm. Lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, thì đạo vô gián thứ chín làm cho nghiệp của Tĩnh lự thứ nhất và dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm. Như vậy cho đến lúc lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ, thì đạo vô gián thứ chín làm cho nghiệp của Phi tướng phi phi tướng xứ, và dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm. Như vậy gọi là nghiệp và dị thực cùng lúc lìa nhiễm. Bởi vì nghiệp bất thiện phi sắc, do năm Bộ đầu nhiếp cũng do đạo thuộc chín phẩm mà đoạn; các nghiệp bất thiện thuộc sắc, nghiệp thiện hữu lậu, tất cả dị thực, chỉ do tu mà đoạn, chỉ do đạo thuộc phẩm Thượng Thượng mà đoạn. Đó gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Nhưng trong này dựa vào hai nghiệp mà soạn luận, đó là nghiệp do kiến mà đoạn và do tu mà đoạn, cho nên đưa ra cách nói này. Nếu dựa vào năm nghiệp mà soạn luận, thì không nên nói đó là người Dự lưu đã lìa nhiễm của nghiệp do kiến mà đoạn, cho đến nói rộng ra. Nên đưa ra cách nói này: “Đó là người chưa lìa nhiễm cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, nghiệp do kiến khổ mà đoạn đã lìa nhiễm, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm; Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, nghiệp do kiến Khổ-tập mà đoạn đã lìa nhiễm, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm; Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, nghiệp do kiến Khổ-Tập-Diệt mà đoạn đã lìa nhiễm, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm. Đạo trí đã sinh mà chưa lìa nhiễm của cõi Dục, nghiệp do kiến Khổ-Tập-Diệt-Đạo mà đoạn đã lìa nhiễm, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm. Lúc lìa nhiễm của cõi Dục từ một phẩm cho đến tám phẩm, nghiệp thuộc tám phẩm ấy đã lìa nhiễm, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm. Lúc lìa nhiễm của cõi Dục thuộc đạo vô gián thứ chín, nghiệp thuộc phẩm thứ chín ấy, tất cả thân nghiệp-ngũ nghiệp bất thiện, nghiệp thiện của cõi Dục, và các dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm. Lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ thuộc đạo vô gián thứ chín, nghiệp thiện của các địa và dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm”. Nhưng mà không đưa ra cách nói này, là bởi vì dựa vào hai nghiệp mà soạn luận.

Hỏi: Nếu nghiệp đã lìa nhiễm thì dị thực của nghiệp ấy đã lìa nhiễm chăng?

Đáp: Dị thực của các nghiệp đã lìa nhiễm, thì nghiệp ấy nhất định đã lìa nhiễm. Hoặc có nghiệp đã lìa nhiễm, mà dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm, đó là nghiệp do kiến mà đoạn đã lìa nhiễm của người Dự lưu, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm. Trong này phân biệt rộng ra như trước đã nói.

Nếu nghiệp có quả thì nghiệp ấy đều có dị thực chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ tà vạy để hiển bày về Chánh nghĩa. Nghĩa là có ngoại đạo chấp rằng tất cả nghiệp thiện-ác không có quả dị thực. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày rằng tất cả nghiệp đều có quả, các nghiệp hữu lậu thiện và bất thiện đều có dị thực, cho nên soạn ra phần luận này.

Nhưng trong Kinh nói: “Quả có năm loại:

1. Quả đẳng lưu.
2. Quả dị thực.
3. Quả ly hệ.
4. Quả sĩ dụng.
5. Quả tăng thượng”.

Quả đẳng lưu, nghĩa là thiện sinh ra thiện, bất thiện sanh ra bất thiện, vô ký sinh ra vô ký. Quả dị thực, nghĩa là nhân của các pháp bất thiện-hữu lậu thiện đã dẫn đến dị thực, quả thiện-ác này chỉ là vô ký, khác loại mà chín muồi cho nên lập thành tên gọi dị thực. Quả ly hệ, nghĩa là đạo vô gián đoạn trừ các phiền não. Đạo vô gián này, dùng đoạn những phiền não làm quả ly hệ và quả sĩ dụng, dùng đạo giải thoát làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng, dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình làm quả đẳng lưu. Nếu đạo vô gián, dùng Tập được tác chứng có thể đoạn các phiền não trước đây, thì đạo vô gián này dùng đoạn phiền não ấy, chỉ làm quả sĩ dụng.

Đây là nói tổng quát. Nếu nói riêng biệt thì khổ pháp trí nhãn, dùng mười tùy miên do kiến khổ mà đoạn thuộc cõi Dục kia đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng khổ pháp trí phẩm làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo vô lậu sau đều hơn hẳn làm quả đẳng lưu. Như vậy cho đến Đạo loại trí nhãn, dùng mười bốn tùy miên do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng Đạo loại trí phẩm làm quả Đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo vô lậu sau đều hơn hẳn làm quả đẳng lưu. Dùng Tập được tác chứng đoạn các tùy miên do kiến Khổ-tập-Diệt mà đoạn thuộc ba cõi, và các tùy miên do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục đều đoạn; Đạo loại nhãn này, dùng đoạn các tùy miên ấy làm quả sĩ dụng.

Những người Dự lưu, lúc cầu tác chứng đối với quả Nhất lai, năm đạo vô gián đầu, dùng tùy miên thuộc năm phẩm ấy đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng năm đạo giải thoát, làm quả đẳng lưu và quả

sĩ dụng; dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình làm quả đẳng lưu. Đạo vô gián thứ sáu, dùng tùy miên thuộc phẩm thứ sáu đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng đạo giải thoát thứ sáu làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình làm quả đẳng lưu. Dùng tập được tác chứng cùng đạo tùy miên thuộc năm phẩm trước do kiến mà đoạn thuộc ba cõi, và do tu mà đoạn thuộc cõi Dục; đạo vô gián thứ sáu này, dùng đoạn các tùy miên ấy làm quả sĩ dụng.

Những người Nhất lai, lúc cầu tác chứng đối với quả Bất hoàn, đạo vô gián khởi lên có thể đoạn bốn tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Dục. Nếu đoạn phẩm thứ bảy và thứ tám, thì đạo vô gián này dùng tùy miên thuộc hai phẩm ấy đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng hai đạo giải thoát, làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình, làm quả đẳng lưu. Nếu đoạn phẩm thứ chín, thì một đạo vô gián dùng tùy miên thuộc phẩm thứ chín đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng đạo giải thoát thứ chín, làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình, làm quả đẳng lưu. Dùng Tập được tác chứng cùng đoạn tùy miên thuộc tám phẩm trước do kiến mà đoạn thuộc ba cõi, và do tu mà đoạn thuộc cõi Dục; đạo vô gián thứ chín này, dùng đoạn các tùy miên ấy làm quả sĩ dụng.

Những người Bất hoàn, lúc cầu tác chứng đối với quả Vô học, đạo vô gián khởi lên có thể đoạn sáu tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Nếu đoạn nhiệm của Tĩnh lực thứ nhất từ một phẩm cho đến chín phẩm, thì đạo vô gián thứ chín này dùng tùy miên thuộc chín phẩm ấy đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng chín đạo giải thoát làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình làm quả đẳng lưu.

Như vậy cho đến lìa nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ, tám đạo vô gián trước dùng tùy miên thuộc tám phẩm ấy đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng tám đạo giải thoát làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo vô lậu sau đều hơn hẳn làm quả đẳng lưu. Định Kim cang dụ dùng tùy miên thuộc phẩm thứ chín đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng Tận trí thuộc phẩm đầu làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo vô lậu sau đều hơn hẳn làm quả đẳng lưu. Dùng Tập được tác chứng cùng đoạn tùy miên thuộc tám phẩm trước, do kiến mà đoạn thuộc ba cõi và do tu mà đoạn thuộc tám địa dưới, cùng với tùy miên do tu mà đoạn thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ; Định

Kim Cang dụ này dùng đoạn các tùy miên ấy làm quả sử dụng.

Nếu các dị sinh lìa nhiễm do kiến-tu đoạn từ cõi dục cho đến vô sở hữu xứ, thì các đạo vô gián dùng đoạn các nhiễm ấy, các đạo giải thoát và các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình, làm quả nhiều ít như lý cần phải suy nghĩ.

Quả sử dụng, nếu pháp do người sử dụng nó mà thành tựu pháp này, thì nói là quả sử dụng của pháp ấy.

Quả tăng thượng, nếu pháp do sự tăng thượng của nó mà dấy khởi, thì nên biết rằng pháp này là sự tăng thượng của nó và quả tăng thượng, là sự tăng thượng khác chứ không phải là quả tăng thượng. Nghĩa là các pháp sinh sau là sự tăng thượng của pháp trước, và quả tăng thượng; các pháp sinh trước là sự tăng thượng của pháp sau, chứ không phải là quả tăng thượng. Các pháp vị lai là sự tăng thượng của pháp quá khứ-hiện tại, và quả tăng thượng; các pháp quá khứ-hiện tại là sự tăng thượng của pháp vị lai, chứ không phải là quả tăng thượng; pháp vị lai-hiện tại là sự tăng thượng của pháp quá khứ và quả tăng thượng; các pháp quá khứ là sự tăng thượng của pháp vị lai, hiện tại chứ không phải là quả tăng thượng.

Hỏi: Quả sử dụng và quả tăng thượng sai biệt thế nào?

Đáp: Những việc đã làm, đối với người chủ động làm ra là quả sử dụng và quả tăng thượng, đối với người chủ động nhận lấy chỉ là quả tăng thượng. Như các việc đã làm thuộc về đồng áng..., đối với người nông dân đều là quả sử dụng và quả tăng thượng, đối với người tiếp nhận sử dụng chỉ là quả tăng thượng. Lực của sử dụng khởi lên gọi là quả sử dụng, lực của tăng thượng khởi lên gọi là quả tăng thượng. Lực của tăng thượng rộng rãi cho nên không chướng ngại, lực của sử dụng nhỏ hẹp cho nên có thể dẫn đến chướng ngại. Đó gọi là sự sai biệt giữa hai quả.

Các Sư phương Tây nói quả có chín loại, đó là đối với năm loại trước thêm vào bốn loại:

1. Quả an lập.
2. Quả gia hạnh.
3. Quả hòa hợp.
4. Quả tu tập.

Quả an lập, nghĩa là dựa vào tầng Phong luân an lập tầng Thủy luân, lại dựa vào tầng Thủy luân an lập tầng Kim luân, lại dựa vào tầng Kim luân an lập mặt đất, lại dựa vào mặt đất an lập tất cả các loại hữu tình-phi tình. Trong này, những pháp sau là quả của những pháp trước,

quả an lập khác tương tự như vậy nên biết.

Quả gia hạnh, nghĩa là quán Bất tịnh, hoặc là Trì tức niệm làm gia hạnh, cho nên dần dần dần dần sinh khởi Tận trí-Vô sinh trí, quả gia hạnh khác tương tự như vậy nên biết.

Quả hòa hợp, nghĩa là nhãn và sắc hòa hợp sinh ra nhãn thức, cho đến ý và pháp hòa hợp sinh ra ý thức, quả hòa hợp khác tương tự như vậy nên biết.

Quả tu tập, nghĩa là do đạo của cõi Sắc khởi lên hóa hiện ở cõi Dục, và lời nói của cõi Dục. Hóa hiện và lời nói này là quả tu tập. Quả tu tập khác vãng vậy.

Các Luận Sư của nghiệp Ca-thấp-di-la nói: “Trong này, bốn loại sau tức là năm loại trước thấu nhiếp, bởi vì đó chính là quả sĩ dụng và quả tăng thượng”.

Nên biết rằng thế tục đối trị đạo nghiệp, đều do năm quả cho nên gọi là có quả; đạo nghiệp gia hạnh-giải thoát-thắng tiến ấy và nghiệp bất thiện-thiện hữu lậu khác, do bốn quả cho nên gọi là có quả, trừ ra quả ly hệ. Nếu các vô lậu đối trị đạo nghiệp, thì cũng do bốn quả cho nên gọi là có quả, trừ ra quả dị thực; tạo nghiệp gia hạnh-giải thoát-thắng tiến ấy, và nghiệp vô ký, do ba quả cho nên gọi là có quả, trừ ra quả ly hệ và quả dị thực. Đó gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Nếu nghiệp có quả thì nghiệp ấy đều có dị thực chăng?

Đáp: Các nghiệp có dị thực thì nghiệp ấy đều có quả. Nên biết nghiệp này, hoặc là do năm quả, hoặc là do bốn quả, cho nên gọi là có quả. Hoặc có nghiệp có quả, mà nghiệp ấy không có dị thực, đó là nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu. nên biết nghiệp này hoặc là do bốn quả, hoặc là do ba quả, cho nên gọi là có quả, nhưng không có dị thực bởi vì không kiên cố vững chắc, không có ái tước thắm.

Hỏi: Nếu nghiệp không có quả thì nghiệp ấy cũng không có dị thực chăng?

Đáp: Không có nghiệp nào không có quả, nghĩa là tất cả nghiệp, hoặc do năm quả, hoặc do bốn quả, hoặc do ba quả, cho nên nói là có quả. Trước là có nghiệp mà không có dị thực, đó là nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu. như trước đã nói.

Hỏi: Nếu tất cả nghiệp đều có quả, thì Đức Phật đã nói tụng nên thông hiểu thế nào? Như nói:

“Như đóa hoa tuy là đáng yêu, có sắc mà không có hương thơm  
Như vậy có lời nói tuyệt vời; không có quả-không có việc làm”.

Đáp: Dựa vào người nói pháp mà Đức Phật nói bài tụng này.

Nghĩa là lúc nói pháp, người lắng nghe pháp ấy không tự mình tin nhận, vâng lời thực hành như giáo pháp, gọi là không có quả. Hoặc là người nói pháp tuy là khéo nói, mà không tự mình thực hành, cho nên nói là không có quả. Hoặc là trước đó có những lời hứa giúp vật dụng cho người khác, sau đó không tự mình giúp cho họ, cho nên nói là không có quả.

Hỏi: Kinh khác đã nói lại làm sao thông hiểu? Như nói:

“Có thân mạng mà ưa ngủ nghỉ, trống rỗng không quả-không ý nghĩa,

Vô vị-không lợi ích tốt đẹp, cũng không có gì được sinh ra”.

Đáp: có thời gian thức tỉnh thì có thể đến được công đức tốt đẹp, ưa ngủ nghỉ cho nên thời gian trôi qua trống rỗng, Đức Thế Tôn dựa vào điều ấy mà nói bài tụng như vậy.

Hỏi: Nếu ưa ngủ nghỉ thì trống rỗng không có quả, kinh khác đã nói lại thông hiểu thế nào? như nói: “Thà rằng ngủ nghỉ chứ đừng tìm kiếm rình rập gì khác”.

Đáp: Có người lúc tỉnh ngủ khởi lên sự tìm kiếm rình rập xấu xa, tranh chấp làm náo loạn vô lượng hữu tình, Đức Phật vì khuyên nhủ họ cho nên nói như vậy. Bởi vì nghĩa này cho nên Kinh có ý riêng, không phải là nói các nghiệp đều không có quả.

Hỏi: Nếu nghiệp bất thiện thì nghiệp ấy đều điên đảo chăng?  
Đáp: Nên làm thành bốn câu:

1. Có nghiệp bất thiện mà nghiệp ấy không phải là điên đảo, nghĩa là như có một người nhận thức rõ là có nhân quả, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Có nghiệp-có nghiệp quả dị thực. Nhưng mà làm hành ác của thân-ngữ và ý.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà người ấy làm hành ác?

Đáp: Bởi vì ba nhân duyên:

- Bởi vì thời gian.
- Bởi vì nơi chốn.
- Bởi vì Bồ-đặc-già-la.

Bởi vì thời gian, nghĩa là lúc năm Trước tăng lên, các loài hữu tình rút giảm uy đức, ưa tạo ra các điều ác, ở tại thời gian ấy cho nên cũng làm hành ác. Bởi vì nơi chốn, nghĩa là các loài hữu tình sinh trong chốn biên địa hạ tiện, tánh của họ ngu dân thô lỗ, tạo ra nhiều nghiệp ác, sinh vào nơi ấy cho nên cũng làm hành ác. Bởi vì Bồ-đặc-già-la, nghĩa là có một loại người mang lấy chúng đồng phần của hành ác, tánh của họ thọ bạo, tạo ra nhiều nghiệp ác, như hạng giết mổ trâu dê..., gần gũi với họ



cho nên cũng làm hành ác. Nên biết nghiệp này bởi vì tự tánh cho nên gọi là bất thiện, là thuộc về hành ác của thân-ngữ-ý; bởi vì sở y cho nên gọi là không phải điên đảo, là có dấy lên cách nhìn, không ngu muội nhân quả, cùng dấy khởi trong thân chánh kiến, như trong đồ đựng quý báu chứa các vật dơ bẩn.

2. Có nghiệp điên đảo mà nghiệp ấy không phải là bất thiện, nghĩa là như có một người nhìn nhận không có nhân quả, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Không có nghiệp-không có nghiệp quả dị thực. Nhưng mà làm hành diệu của thân-ngữ-ý.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà người ấy làm hành diệu?

Đáp: Bởi vì ba nhân duyên:

- Bởi vì thời gian.
- Bởi vì nơi chốn.
- Bởi vì Bồ-đặc-già-la.

Bởi vì thời gian, đó là lúc năm Trước không tăng lên, các loài hữu tình có uy đức to lớn, thích tu các điều thiện, ở tại thời gian ấy cho nên tuy không thích làm, mà cũng làm hành diệu. Bởi vì nơi chốn, đó là các loài hữu tình sinh ở trung tâm đất nước, tánh tình thông minh-ý chí hài hòa, tu nhiều nghiệp thiện, sinh vào nơi ấy cho nên tuy không thích làm, mà cũng làm hành diệu. Bởi vì Bồ-đặc-già-la, đó là có một loại người có được chúng đồng phần của hành diệu, tánh tình hòa nhã, tu nhiều nghiệp thiện, như trú trong luật nghi, gần gũi với họ cho nên tuy không thích làm, mà cũng làm hành diệu. Nên biết nghiệp này bởi vì sở y cho nên gọi là điên đảo, là không dấy lên cách nhìn, ngu muội đối với nhân quả, cùng dấy khởi từ trong thân tà kiến; bởi vì tự tánh cho nên gọi là không phải bất thiện, là thuộc về hành diệu của thân-ngữ-ý, như trong đồ đựng dơ bẩn chứa các vật châu báu.

3. Có nghiệp cũng bất thiện mà cũng điên đảo, nghĩa là như có một người nhìn nhận không có nhân quả, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Không có nghiệp-không có nghiệp quả dị thực. Lại còn làm hành ác của thân-ngữ-ý.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà người ấy làm hành ác?

Đáp? Bởi vì ba nhân duyên, như trước đã nói. Nên biết người này bởi vì tự tánh cho nên gọi là bất thiện, bởi vì thuộc về hành ác của thân-ngữ-ý; bởi vì sở y cho nên lại gọi là điên đảo, là không dấy lên cách nhìn, ngu muội đối với nhân quả, cùng dấy khởi từ trong thân tà kiến, như trong đồ đựng dơ bẩn chứa các vật dơ bẩn.

4. Có nghiệp không phải là bất thiện cũng không phải là điên

đảo, nghĩa là như có một người nhận thức rõ là có nhân quả, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Có nghiệp-có nghiệp quả dị thực. Lại còn làm hành diệu của thân-ngữ-ý.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà người ấy làm hành diệu?

Đáp: Bởi vì ba nhân duyên, như trước đã nói. Nên biết nghiệp này bởi vì tự tánh cho nên gọi là không phải bất thiện, bởi vì thuộc về hành diệu của thân-ngữ-ý; bởi vì sở y cho nên gọi là không phải điên đảo, là có dấy lên cách nhìn, không ngu muội nhân quả, cùng dấy khởi từ trong thân Chánh kiến, như trong đồ đựng quý báu chứa các vật châu báu.

Hỏi: Nếu nghiệp là thiện thì nghiệp ấy không điên đảo chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, đó là câu thứ hai của phần trước làm câu thứ nhất ở phần này, câu thứ nhất của phần trước làm câu thứ hai ở phần này, câu thứ tư của phần trước làm câu thứ ba ở phần này, câu thứ ba của phần trước làm câu thứ tư ở phần này. Rộng ra như trước đã nói. Lại nữa, ở đây có cách giải thích khác.

Hỏi: Nếu nghiệp bất thiện thì nghiệp ấy đều điên đảo chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có nghiệp bất thiện mà nghiệp ấy không phải là điên đảo, nghĩa là như có một người đối với cái thấy có-tướng là không thấy, người khác hỏi rằng: Ông thấy hay không? Người ấy hoặc là vì mình, hoặc là vì người khác, hoặc là vì danh lợi, đã che giấu ý tưởng này-nhận thức này-cách nhìn này-ham muốn này, trả lời rằng: Tôi thấy, nên biết nghiệp này do lực của tướng cho nên gọi là bất thiện, bởi vì che giấu ý tưởng mà nói; do sự việc đã nói cho nên gọi là không phải điên đảo, bởi vì đối với cái thấy nói là thấy.

2. Có nghiệp điên đảo mà nghiệp ấy không phải là bất thiện, nghĩa là như có một người đối với cái thấy có-tướng là không thấy, người khác hỏi rằng: Ông thấy hay không? Người ấy không vì mình, không vì người khác, không vì danh lợi, không che giấu ý tưởng này-nhận thức này-cách nhìn này-ham muốn này, trả lời rằng: Không thấy. Nên biết nghiệp này do sự việc đã nói cho nên gọi là điên đảo, bởi vì đối với cái thấy mà nói là không thấy; do lực của tướng cho nên gọi là không phải bất thiện, bởi vì không che giấu ý tưởng mà nói.

3. Có nghiệp cũng bất thiện mà cũng điên đảo, nghĩa là như có một người đối với cái thấy có-tướng là thấy, người khác hỏi rằng: Ông thấy hay không? Người ấy hoặc là vì mình, hoặc là vì người khác, hoặc là vì danh lợi, đã che dấu ý tưởng này-nhận thức này-cách nhìn này-ham muốn này, trả lời rằng: Không thấy. Nên biết nghiệp này do lực

của tướng cho nên gọi là bất thiện, bởi vì che giấu ý tướng mà nói; do sự việc đã nói cho nên lại gọi là điên đảo, bởi vì đối với cái thấy mà nói là không thấy.

4. Có nghiệp không phải là bất thiện, cũng không phải là điên đảo, nghĩa là như có một người đối với cái thấy có-tướng là thấy, người khác hỏi rằng: Ông thấy hay không? Người ấy không vì mình, không vì người khác, không vì danh lợi, không che giấu ý tướng này-nhận thức này-cách nhìn này-ham muốn này, trả lời rằng: Tôi thấy. Nên biết rằng nghiệp này do lực của tướng cho nên gọi là không phải bất thiện, bởi vì không che giấu ý tướng mà nói; do sự việc đã nói cho nên gọi là không phải điên đảo, bởi vì đối với cái thấy nói là thấy.

Như đối với cái thấy-nghe-hiểu-biết đều làm thành bốn câu, như vậy đối với sự không thấy-nghe-hiểu-biết cũng đều làm thành bốn câu.

Như dùng bất thiện đối với điên đảo làm thành tám phần-bốn câu, như vậy dùng thiện đối với không điên đảo nên biết cũng như thế.

Vậy thì tổng cộng thành mười sáu phần-bốn câu, và hai phần-bốn câu trước đây làm thành mười tám phần-bốn câu.

Lại tổng quát dùng chín phần nhỏ-bốn câu thuộc bất thiện, và chín phần nhỏ-bốn câu thuộc về thiện, đều làm thành một phần lớn-bốn câu, cho nên tổng quát và riêng có hai mươi phần-bốn câu.

Trong này, nhãn thức đã tiếp nhận gọi là thấy, nhĩ thức đã tiếp nhận gọi là nghe, ba thức đã tiếp nhận gọi là hiểu (giác-cảm giác nhận biết), ý thức đã tiếp nhận gọi là biết. Nói đến bốn cảnh cho nên thấy-nghe-hiểu-biết, là căn chứ không phải là thức. Nhưng nêu ra thức là hiển bày các căn như nhãn... căn phải do thức giúp đỡ mới có thể chọn lấy cảnh, bởi vì Đồng phần của căn luôn luôn có tác dụng chứ không phải là Bỉ đồng phần.

Hỏi: Tại sao ba thức như nhãn... đã tiếp nhận đều thiết lập một loại, mà ba thức tỷ-thiệt-thân đã tiếp nhận, hợp lại thiết lập một loại gọi là hiểu (giác)? Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Sở duyên của ba thức đều chỉ là vô ký, cảnh vô ký cho nên căn thiết lập tên gọi là hiểu (giác). Và lại, bởi vì ba căn chỉ chọn lấy cảnh, cùng với cảnh hợp lại cho nên thiết lập tên gọi là hiểu (giác).”

Đại đức nói rằng: “Chỉ riêng cảnh giới của ba căn này chậm chạp mông muội giống như xác chết, cho nên lúc thức phát khởi nói tên gọi là giác”.

Có Sư khác nói: Hai thức nhãn-nhĩ dựa vào cảnh giới của mình

duyên với cảnh giới của mình và nơi khác, ý thức dựa vào cảnh giới của mình-nơi khác, duyên với cảnh giới của mình-nơi khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ dựa vào cảnh giới của mình, chỉ duyên với cảnh giới của mình, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại. Như cảnh giới của mình-cảnh giới khác, nói về Đồng phần-không Đồng phần cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Hai thức nhãn-nhĩ dựa vào Đồng phần, duyên với Đồng phần-không Đồng phần, ý thức dựa vào Đồng phần-không Đồng phần, duyên với Đồng phần-không đồng phần, cho nên ba thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba loại như tử... chỉ dựa vào Đồng phần, chỉ duyên với Đồng phần, cho nên ba loại ấy hợp lại thiết lập một loại. Đây là nói về Đồng phần của Giới (phạm vi-cảnh giới).

Có người nói: Hai thức nhãn-nhĩ dựa vào vô ký duyên với ba loại, ý thức dựa vào ba loại duyên với ba loại, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ dựa vào vô ký, chỉ duyên với vô ký, cho nên ba thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có người nói: Hai thức nhãn-nhĩ dựa vào gần-duyên với gần xa, ý thức dựa vào gần xa-duyên với gần xa, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... dựa vào gần-duyên với gần, cho nên ba thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại. Cảnh của ba căn này không tách rời mà tồn tại, mới có thể phát ra thức, cho nên gọi là gần.

Có người nói: Hai thức nhãn-nhĩ hoặc là sở y lớn mà sở duyên nhỏ, hoặc là sở duyên lớn mà sở y nhỏ, hoặc là sở y và sở duyên bằng nhau. Nhãn thức, sở y lớn mà sở duyên nhỏ, như thấy đầu sợi lông...; sở duyên lớn mà sở y nhỏ, như thấy rừng núi..., sở y và sở duyên bằng nhau, như thấy quả Bồ-đào... như vậy, nhĩ thức như mức độ nên biết. Ý thức thì sở y tuy không thể nói mức độ lớn nhỏ của nó, mà cảnh sở duyên thì hoặc nhỏ-hoặc lớn, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại. Ba thức như tử... thì sở y và sở duyên lớn nhỏ có mức độ như nhau, cho nên ba thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại. Tùy theo bao nhiêu cực vi của căn sở y, lúc kết hợp với cực vi của cảnh bấy nhiêu, mới có thể phát sinh các thức như tử...

Có người nói: Ba thức như nhãn... duyên với nghiệp-phi nghiệp, cho nên thức ấy đã tiếp nhận thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với phi nghiệp, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có người nói: Ba thức như nhãn..., duyên với trì giới-phạm giới và

duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại,

Có Sư khác nói: ba thức như nhãn..., duyên chung với luật nghi-không luật nghi và pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có Sư khác nói: Ba thức như nhãn..., duyên chung với luật nghi-không luật nghi và pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có người nói: Ba thức như nhãn... duyên chung với Biểu và pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có người nói: Ba thức như nhãn... duyên chung với nhiễm-không nhiễm, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp không nhiễm, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có người nói: Ba thức như nhãn..., duyên chung với hành diệu, hành ác và duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Do thấy-nghe-hiểu-biết đã nói như vậy, tùy theo thức dựa vào mà duyên có riêng-có chung.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp bất thiện, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc chăng?

Đáp: thành tựu các nghiệp bất thiện, lúc ấy chắc chắn thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, nghĩa là sinh ở cõi Dục, nếu đoạn căn thiện thì lúc ấy chắc chắn thành tựu nghiệp bất thiện, và một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, đó là nghiệp nhiễm ô. Không đoạn căn thiện và chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, cũng như vậy. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp bất thiện, và hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện nhiễm ô; một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là nhiễm ô.

Hoặc có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc mà không phải là nghiệp bất thiện, nghĩa là sinh ở cõi Dục đã lìa nhiễm của cõi Dục, hoặc là sinh ở cõi Sắc. Nghĩa là sinh ở cõi Dục đã lìa nhiễm của

cõi Dục, hoặc là sinh ở cõi Sắc. Nghĩa là sinh ở cõi Dục đã lìa nhiễm của cõi Dục, nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký; một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là nhiễm ô. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú ký; hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là thiện-nhiễm ô. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện và vô phú vô ký; hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là thiện và nhiễm ô. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện và vô ký; một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là thiện.

Nếu sinh ở cõi Sắc, nghĩa là nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký; một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là nhiễm ô. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký; hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là thiện và nhiễm ô. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện và vô phú vô ký; hai nghiệp hệ thuộc cõi vô sắc, đó là thiện và nhiễm ô. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện và vô phú vô ký; một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là thiện.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc chăng?

Đáp: Thành tựu các nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, lúc ấy chắc chắn thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, mà không phải là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, đó là Bồ-đặc-già-la đoạn căn thiện, nếu sinh đến cõi Sắc. Nghĩa là nếu thành tựu nghiệp thiện của cõi Dục, chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của Dục, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc,

chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, và thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, và thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Nếu đoạn căn thiện, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Nếu sinh đến cõi Sắc chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Đời trước đoạn căn thiện, đời này sinh ở cõi Sắc, đều không thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, bởi vì đã đoạn căn thiện, đã rời bỏ căn thiện ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, mà không phải là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, đó là sinh ở cõi Dục không đoạn căn thiện, chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc.

2. Có lúc thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, mà không phải là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, đó là sinh đến cõi Sắc, đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc.

3. Có lúc thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, cũng là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, đó là sinh ở cõi Dục đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, cũng không phải là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, đó là Bồ-đặc-già-la căn thiện.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc Cõi dục, thì lúc ấy trước nghiệp hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là sinh ở cõi Dục, nếu đoạn căn thiện thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc

cõi Sắc; nếu không đoạn căn thiện, mà chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Dục, chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu sinh đến cõi Sắc chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Thành tựu các nghiệp hệ thuộc cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là sinh ở cõi Dục, nếu đoạn căn thiện thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không đoạn căn thiện, chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Dục, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Nếu sinh đến cõi Sắc, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, mà không phải là nghiệp hệ thuộc cõi Dục, đó là Bồ-đặc-già-la sinh đến cõi vô sắc. Nghĩa là sinh đến cõi ấy, nếu chưa lìa nhiễm của cõi ấy, khởi lên tâm dī thực sinh, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu



không khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Vô sắc, khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đều không thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, bởi vì đã rời bỏ cõi ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, mà không phải là nghiệp không hệ thuộc, đó là các dị sinh ở cõi Dục-Sắc.

2. Có lúc thành tựu nghiệp không hệ thuộc, mà không phải là nghiệp hệ thuộc cõi Dục, đó là các Thánh già sinh đến cõi Vô sắc.

3. Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, cũng là nghiệp không hệ thuộc, đó là các Thánh giả sinh ở cõi Dục-Sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, cũng không phải là nghiệp không hệ thuộc, đó là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thanh tịnh nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Thành tựu các nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, thì lúc ấy chắc chắn thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nghĩa là sinh ở cõi Dục, nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Dục, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiệm cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp cõi sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Nếu sinh vào cõi Sắc, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ

thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, mà không phải là nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là các hữu tình sinh đến cõi Vô sắc. Nghĩa là sinh đến cõi ấy, nếu chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, mà không phải là nghiệp không hệ thuộc, đó là các dị sinh sinh ở cõi Dục-Sắc.
2. Có lúc thành tựu nghiệp không hệ thuộc, mà không phải là nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.
3. Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, cũng là nghiệp không hệ thuộc, đó là các Thánh giả sinh ở cõi Dục-Sắc.
4. Có lúc không phải là thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, cũng không phải là nghiệp không hệ thuộc, đó là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Thành tựu các nghiệp không hệ thuộc, thì lúc ấy chắc chắn thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nghĩa là các Thánh giả sinh ở cõi Dục-Sắc, nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Học không hệ thuộc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Học không hệ thuộc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Vô học không hệ thuộc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Nếu các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, khởi tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Học không hệ thuộc, ba nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Học không hệ thuộc, hai nghiệp hệ thuộc

cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Vô sắc, khởi dị thực sinh thì lúc ấy thành tựu nghiệp Vô học không hệ thuộc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi tâm dị thực, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Vô học không hệ thuộc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc mà không phải là nghiệp không hệ thuộc, đó là các dị sinh nếu sinh ở cõi Dục-Sắc, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu đã đạt đến được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc, nếu khởi tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục-cõi Sắc-cõi Vô sắc và nghiệp không hệ thuộc, thì lúc ấy mạng chung sinh vào nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Dục, hoặc là cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không có nơi sinh. Nghĩa là các Thánh giả, nếu sinh ở cõi Dục, chưa lìa nhiệm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung sinh vào cõi Dục. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Dục, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung sinh vào cõi Sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung cũng sinh vào cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Vô học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung không có nơi sinh.

Nếu các Thánh giả sinh ở cõi Sắc, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung sinh vào cõi Sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp

hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung cũng sinh vào cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Vô học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung không có nơi sinh.

Vì vậy cho nên nói thành tựu bốn nghiệp thì người ấy mạng chung, hoặc là sinh ở cõi Dục, hoặc là sinh vào cõi Sắc, hoặc là sinh đến cõi Vô sắc, hoặc là không có nơi sinh.

